

Bản án số: 104/2019/ DS-PT

Ngày: 07/5/2019

*“V/v Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Vũ Viết Văn.

Các Thẩm phán: Ông Mai Tiến Dg.;

Bà Trần Thị Liên Anh.

- Thư ký phiên toà: Ông Quản Việt Phương - Thư ký, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên toà:
Bà Ngô Phương Liên - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm, công khai vụ án thụ lý số 14/2019/TLPT- DS ngày 08 tháng 01 năm 2019, về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 16/2018/ DS-ST ngày 28 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân quận B.T.Lbị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 85/2019/QĐ-PT ngày 02/4/2019, Quyết định hoãn phiên toà số 100/2019/QĐPT-HPT ngày 16/4/2019, Quyết định hoãn phiên toà số 133/2019/QĐPT-HPT ngày 03/5/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà V.T.T, sinh năm 1966.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là chị T.H.T, sinh năm 1989; Cùng trú tại xóm Thín, xã L.Nh., huyện T.S., tỉnh P.T(văn bản uỷ quyền ngày 06/5/2019).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư N.T.B. – Văn phòng Luật sư N.T.B. – Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội.

2. Bị đơn: Anh H.T.D., sinh năm 1988;

Nơi ĐKKHKT: xóm 35, xã Y.Đ., huyện Y.Y., tỉnh N.Đ..

Hiện đang công tác tại Học viện cảnh sát nhân dân, phường C.N. 2, quận B.T.L., thành phố Hà Nội.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1. Chị T.H.T, sinh năm 1989; HKTT: xóm Thín, xã L.Nh., huyện T.S., tỉnh Phú Thọ.

3.2. Ông T.V.T., sinh năm 1966; HKTT và ở: xóm Đ.L., xã H.T., huyện K.S., tỉnh H.B..

Người kháng cáo, anh H.T.D. là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo Bản án dân sự sơ thẩm, vụ kiện có nội dung như sau:

Theo đơn khởi kiện và những lời khai tiếp theo, nguyên đơn V.T.T trình bày: Khoảng ngày 5-6 tháng 9 năm 2014, tại nhà b.T. ở xóm Thín, xã L.Nh., T.S., Phú Thọ, anh H.T.D. có hỏi vay bà là 100.000.000 đồng, a.Dg. vay cho cá nhân Dg. và nói là vay nóng, vì bà là mẹ đẻ của c.Tf., a.Dg. là chồng của c.Tf. từ ngày 05/9/2014. Trong ngày hôm đó, bà trực tiếp đưa tiền cho Dg. (c.Tf. không chứng kiến), bà cũng không bắt a.Dg. viết giấy tờ gì và cũng không thỏa thuận về lãi. Sau đó, khoảng ngày 20/9/2014, một mình a.Dg. lại hỏi vay bà 300.000.000 đồng nói là để xin việc. Bà cũng không hỏi kỹ a.Dg., xong bà đồng ý cho a.Dg. vay (c.Tf. cũng không biết việc vay này). Tại ngày hôm đó, bà yêu cầu a.Dg. viết giấy vay 300.000.000 đồng; việc vay nợ không thỏa thuận lãi suất nhưng thỏa thuận thời hạn trả nợ là 1 năm. Đến hạn trả, a.Dg. cứ loay quanh không trả. Do vợ chồng a.Dg., c.Tf. cứ mâu thuẫn, bà có bảo a.Dg. là thu xếp trả bà nhưng a.Dg. bảo không có. Vì hạnh phúc của vợ chồng a.Dg., c.Tf. nên bà không đòi gắt gao. Khoảng tháng 7/2016, a.Dg. có trả bà 100.000.000 đồng, việc trả nợ có viết giấy. Đây là số tiền a.Dg. trả bà của lần vay ngày 05/9/2014 và từ đó a.Dg. chặn số điện thoại liên lạc của bà. A.Dg. cũng không liên lạc với bà nữa và bà không liên lạc được với Dg. để đòi nợ được. Vì bà lo tình cảm giữa con gái bà với Dg. nên bà không dám nói chuyện về tiền nong với con gái bà là c.T. vì bà thấy tình cảm vợ chồng a.Dg., c.Tf. cũng không có, con của anh chị cũng để bà phải nuôi. Nay bà yêu cầu a.Dg. phải trả bà số tiền 300.000.000 đồng tiền gốc mà bà đã cho riêng a.Dg. vay, bà không yêu cầu a.Dg. phải trả lãi. Ngoài lời khai, b.T. còn xuất trình “Giấy vay tiền” lập ngày 20/9/2014 bản gốc, có chữ ký và chữ viết của anh H.T.D..

Bị đơn, anh H.T.D. trình bày:

Ngày 20/9/2014, anh có vay bà V.T.T là mẹ vợ cũ của anh số tiền 300.000.000 đồng, anh có viết giấy vay đồng thời phải trả lãi hàng tháng. Anh được b.T. cho biết số tiền 300.000.000 đồng. B.T. có được là do số tiền 200.000.000 đồng bà vay của Công ty bà đang làm, 100.000.000 đồng là số tiền của bà. Do vậy, 100.000.000 đồng có thể trả sau nhưng 200.000.000 đồng sau 1 năm phải trả. Đến ngày 20/9/2015, anh vẫn không có số tiền trên để trả, anh đã xin b.T. cho anh nợ nhưng b.T. nhất quyết không đồng ý và sẽ viết đơn vào cơ quan anh để kiện. Anh không còn cách nào khác đành phải chấp nhận để không

bị kiện. Nhưng đến trưa ngày 21/9/2015, b.T.gọi anh vào phòng trọ của vợ chồng anh tại số nhà 30A đường Phan Bá Vành để nói chuyện và chỉ cho anh nơi có thể vay 200.000.000 đồng. B.T.nói với tôi là cậu Tú (là em họ của b.T.) có tiền cho anh vay và bảo anh gọi luôn cho cậu Tú. Anh gọi điện vay ô. Ts. số tiền 200.000.000 đồng để trả cho b.T., ô. Ts. đồng ý. Lúc này, ô. Ts. không có mặt ở đó, anh chỉ gọi điện cho ô. Ts. và số tiền 200.000.000 đồng kia anh cũng không được cầm trực tiếp để trả cho b.T., anh cũng không nhìn thấy số tiền đó. Lúc đó, anh có viết giấy vay ô. Ts. 200.000.000 đồng và hẹn sau 1 năm sẽ trả. Đến ngày 17/9/2016, anh có 100.000.000 đồng mang về trả cho b.T.tại nhà bà tại xóm Thín, xã L.Nh., huyện T.S.. Lúc đó con gái b.T.là T.H.T và là vợ của anh chứng kiến. Khi anh trả tiền, anh yêu cầu b.T.trả anh tờ giấy viết tay mà ngày 20/9/2014 anh đã viết vay b.T.300.000.000 đồng (vì 200.000.000 đồng ngày 21/9/2015 anh đã vay ô. Ts. để trả cho b.T.và 100.000.000 đồng hôm nay anh trả nốt). B.T.nói: “Không tìm thấy tờ giấy viết tay ấy đâu”. Ngày đó, vợ chồng anh chưa ly hôn (tháng 12/2017, vợ chồng anh mới có quyết định ly hôn) nên anh tin bà. Lúc đó, anh yêu cầu b.T.viết giấy biên nhận là đã nhận số tiền 100.000.0000 đồng anh đã trả cho bà. Ngày 20/9/2016, anh có số tiền 200.000.000 đồng để mang lên nhà ô. Ts. ở tại xã H.T., K.S., H.B.. Khi trả tiền có 3 người bên gia đình nhà anh, có vợ ô. Ts. và một người hàng xóm của ô. Ts. chứng kiến. Trước khi nhận số tiền, ô. Ts. bảo: “để tao gọi điện cho mẹ vợ mày xem thế nào”. Khi gọi điện xong, ô. Ts. mới viết giấy biên nhận số tiền 200.000.000 đồng. Sau khi đã trả hết số tiền là 300.000.000 đồng anh yên tâm tư tưởng công tác. Anh không ngờ được rằng thời gian gần đây b.T.tìm thấy tờ giấy anh viết vay bà 300.000.000 đồng (mà ngày trước bà nói là bà không tìm thấy), b.T.ủy quyền cho con gái bà là T.H.T kiện anh trước cơ quan, trước pháp luật là anh chưa trả tiền cho bà. Anh mong cơ quan pháp luật làm rõ ràng việc này để anh không bị oan.

Ngày 06/8/2018, a.Dg. có yêu cầu phản tố, yêu cầu b.T.phải bồi thường cho anh 33.900.000 đồng, bao gồm: Tiền bồi thường tổn thất về tinh thần 10 lần mức lương cơ sở do nhà nước quy định tương ứng 13.900.000 đồng; chi phí hạn chế khắc phục thiệt hại mời luật sư hỗ trợ pháp lý pháp lý 15.000.000 đồng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Ông T.V.T. và bà Đ.T.L. trình bày: Khoảng cuối tháng 9/2014, chị T.H.T là cháu ông bà có đến hỏi vay vợ chồng ông bà 200.000.000 đồng. Vài hôm sau, ông bà có đưa tiền cho c.Tf., lúc đó ông bà chưa biết anh H.T.D. là ai. Một tháng sau, a.Dg. gặp ông bà trực tiếp viết giấy vay 200.000.000 đồng. Cuối tháng 9/2016, a.Dg. có mang 200.000.000 đồng đến nhà ông bà để trả. Ông bà khẳng định số tiền 200.000.000 đồng a.Dg. trả là trả cho ông bà, là khoản tiền c.Tf. hỏi vay trước đây. Ngoài số tiền này ra, ông bà không nhận bất kỳ khoản tiền nào khác. Khi Dg. trả tiền ô. Ts. có viết giấy nhận 200.000.000 đồng. Khi a.Dg. đến trả tiền có đi cùng 3 người khác. Vợ chồng ông bà không liên quan gì tới khoản vay của b.T.và a.Dg..

- Chị T.H.T trình bày: Ngày 02/9/2014, chị có cho anh H.T.D. vay số tiền 84.000.000 đồng khi ấy a.Dg. là chồng của chị. Năm 2016, a.Dg. đã trả cho chị số

tiền trên và bảo chị viết giấy đã nhận tiền 84.000.000 đồng. Số tiền này là tiền riêng của cá nhân chị không liên quan đến số tiền a.Dg. vay của mẹ chị sau này. Chị biết được a.Dg. vay tiền của mẹ chị là do sau này mẹ chị kể lại. Ngoài ra, c.Tf. cung cấp cho Tòa án bản gốc giấy vay tiền của anh H.T.D. đề ngày 02/9/2014.

Tại “Giấy vay tiền” lập ngày 20/9/2014, có nội dung: *“Hôm nay, tôi viết giấy vay tiền để vay bà V.T.T, ở xóm Thín xã L.Nh., huyện T.S., tỉnh P.T số tiền 300.000.000đ. (Ba trăm triệu đồng). Thời hạn là sau 12 tháng tính từ ngày viết giấy vay sẽ phải trả đủ”*.

Ngày 26/8/2018, tại Tòa, a.Dg. xuất trình 01 thẻ nhớ nội dung ghi lại cuộc nói chuyện giữa anh và ông T.V.T..

Tại kết luận giám định số 260/C09-P6 ngày 19/9/2018, Viện khoa học hình sự, Bộ công an kết luận về đối tượng giám định nhau sau: *“Không xác định được tệp tin video lưu trữ trong thẻ nhớ gửi giám định có phải là bản gốc hay không. Không phát hiện thấy dấu vết cắt ghép, chỉnh sửa nội dung trong tệp tin video gửi giám định”*.

Tại biên bản hòa giải, đối chất ngày 27/9/2018:

+A.Dg. cho rằng đến ngày 17/9/2016, anh đã trả hết cho b.T.số tiền 300.000.000 đồng. Có 3 file clip lưu trong thẻ nhớ anh đã nộp cho Tòa, trong đó anh hỏi ô. Ts. thì ô. Ts. nói đã chuyển tiền mặt cho b.T., số tiền 200.000.000 đồng. Ô. Ts. chuyển cho b.T.tiền không có ai chứng kiến. Lần thứ 2 anh trả b.T.100.000.000 đồng. Như vậy, anh khẳng định đã trả hết cho b.T.300.000.000 đồng.

+Ô. Ts. trình bày: Khi c.Tf. hỏi vay tiền, sau ít hôm, ông có trực tiếp đưa 200.000.000 đồng/1 lần cho c.Tf.. Việc ông cho c.Tf. vay không tính lãi. Việc cho vay không có giấy tờ. Sau khoảng 1 năm, ông mới biết số tiền 200.000.000 đồng là a.Dg. vay và ông yêu cầu a.Dg. viết giấy vay tiền. A.Dg. có viết giấy vay ông 200.000.000 đồng. Vài tháng sau, a.Dg. lên trả ông 200.000.000 đồng và yêu cầu ông viết giấy nhận tiền, thu lại giấy vay tiền a.Dg. viết. Tiền ông cho Dg. vay không liên quan đến khoản nợ 300.000.000 đồng của b.T.. Sau khi nghe clip, ông nhớ a.Dg. có lên tâm sự với ông, lúc đó ông bị đau họng không nói được, ông cũng chỉ nghe và âm ừ cho xong việc vì ông không muốn giải quyết những việc không liên quan đến ông. Ô. Ts. đã nhận đủ số tiền 200.000.000 đồng của ông cho a.Dg. vay.

Viện kiểm sát nhân dân quận B.T.Lcó công văn số 05/YC-VKS-DS ngày 17/10/2018, về việc xác minh, thu thập chứng cứ, làm rõ:

- Ô. Ts. đưa 200 triệu đồng cho c.Tf. hay 200 triệu đồng cho b.T.; mục đích đưa tiền để làm gì, có viết giấy tờ không. Có việc b.T.gọi điện cho ô. Ts. để ô. Ts. cho a.Dg. vay 200 triệu đồng và dùng số tiền trên để trả tiền cho b.T.không?

- Tiến hành thủ tục đối chất giữa bà V.T.T và anh H.T.D. để làm rõ thời gian, địa điểm và số tiền cho vay, có xác định lãi hay không, đã trả tiền chưa, trả

bao nhiêu tiền và ở đâu có ai làm chứng không? Có việc b.T.giới thiệu ô. Ts. cho a.Dg. để hỏi vay 200 triệu không?

Sau khi có yêu cầu xác minh thu thập chứng cứ, Tòa án sơ thẩm xét thấy quá trình xây dựng hồ sơ vụ án đã thu thập đầy đủ lời khai, ý kiến của các bên cũng như tiến hành thủ tục hòa giải, đối chất ngày 27/9/2018, việc hòa giải đối chất là công khai có mặt đầy đủ các bên đương sự nên không cần thiết phải làm thêm thủ tục thu thập chứng cứ như yêu cầu của Viện kiểm sát.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên quan điểm đòi bị đơn phải trả 300.000.000 đồng và tiền lãi tính từ tháng 9/2015 đến tháng 9/2018 theo quy định của pháp luật; Không tự hòa giải để giải quyết toàn bộ vụ án; Bị đơn và luật sư bên bị đơn khẳng định a.Dg. có vay của b.T.300.000.000 đồng như trong “Giấy vay tiền” lập ngày 20/9/2014 nhưng a.Dg. đã trả b.T.làm 2 lần: 1 lần là vay tiền ô. Ts. và do ô. Ts. trực tiếp đưa tiền cho b.T.200.000.000 đồng; lần 2 là trả nốt 100.000.000 đồng vào ngày 17/9/2016. Và khẳng định nguyên đơn đòi tiền bị đơn là không có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ngoài ra, bị đơn và luật sư bên bị đơn cho rằng việc b.T.khởi kiện a.Dg. là không đúng và làm ảnh hưởng đến danh dự của anh; a.Dg. vẫn giữ nguyên quan điểm đòi b.T.bồi thường danh dự và thiệt hại từ đi lại giải quyết kiện tụng là 33.900.000 đồng và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn. Người liên quan là c.Tf. xác định khoản tiền a.Dg. vay b.T.là vay riêng, không liên quan đến chị và mặc dù trong thời kỳ hôn nhân nhưng chị cũng cho a.Dg. vay tiền, có viết giấy sau đó đã lấy lại đầy đủ tiền.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 16/2018/ DS-ST ngày 28 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân quận B.T.Lã đã quyết định:

1/ Chấp nhận 1 phần yêu cầu của nguyên đơn – bà V.T.T.

Buộc anh H.T.D. phải trả b.T.tiền nợ gốc là 200.000.000đ; nợ lãi là 40.000.000đ. Tổng cộng là 240.000.000đ (Hai trăm bốn mươi triệu đồng).

2/ Không chấp nhận yêu cầu phản tố của anh H.T.D. đòi b.T.33.900.000đ.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, người phải thi hành án còn phải chịu lãi suất 10% /năm tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

Ngoài ra Bản án còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Không đồng ý, anh H.T.D. kháng cáo toàn bộ Bản án. A.Dg. khẳng định anh đã trả đầy đủ số tiền đã vay của b.T., anh yêu cầu b.T.phải bồi thường thiệt hại cho anh do có vụ kiện này với số tiền là 43.900.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Đương sự giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu phản tố về bồi thường thiệt hại, yêu cầu kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, không xuất trình chứng cứ mới.

Luật sư N.T.B. trình bày luận cứ bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho b.T.và đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của a.Dg., giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Tham gia phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng, người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.
- Về nội dung, sau khi phân tích đại diện Viện Kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa Bản án dân sự sơ thẩm: Chấp nhận một phần kháng cáo của a.Dg. về số tiền vay anh đã trả đủ cho b.T., không chấp nhận kháng cáo về yêu cầu phản tố.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

Về tố tụng, anh H.T.D. nộp đơn kháng cáo, nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm trong hạn luật định là hợp lệ.

Về nội dung, xét yêu cầu kháng cáo của anh H.T.D., Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:

Xét khoản nợ nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả, thì thấy: Tại Giấy vay tiền lập ngày 20/9/2014, có nội dung: *“Hôm nay tôi viết giấy vay tiền để vay bà V.T.T, ở xóm Thín, xã L.Nh., huyện T.S., tỉnh P.T số tiền 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng). Thời hạn là sau 12 tháng tính từ ngày viết giấy vay sẽ phải trả đủ”*. Giấy vay tiền này cả nguyên đơn và bị đơn đều xác nhận thời điểm và nội dung vay là đúng. Ngày 12/01/2018, Tòa án nhân dân quận B.T.Lban hành Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 05/2018/QĐST- HNGĐ đối với H.T.D. và chị T.H.T, theo đó tài sản chung của vợ chồng thể hiện không có, không tranh chấp. Do vậy, mặc dù số tiền nợ b.T.của a.Dg. phát sinh trong thời kỳ hôn nhân nhưng đây là khoản nợ riêng của a.Dg., không liên quan đến c.Tf.. Do đó, có cơ sở xác định phát sinh quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn và bị đơn trong giấy vay nợ từ thời điểm ngày 20/9/2014 như Toà án cấp sơ thẩm xác định là có căn cứ.

Toà án nhân dân quận B.T.Lđã xác định tổng số tiền a.Dg. vay của b.T.là 300.000.000 đồng, a.Dg. đã trả b.T.100.000.000 đồng. Sau khi xét sơ thẩm, b.T.không kháng cáo; do đó, số tiền a.Dg. nợ và số tiền a.Dg. trả cho b.T.như Toà án cấp sơ thẩm xác định về phía b.T.là đúng sự thực.

Như vậy, vấn đề cần xem xét tại Toà án cấp phúc thẩm là số tiền còn lại 200.000.000 đồng a.Dg. đã trả b.T.chưa và nếu đã trả thì trả như thế nào (phương

thức trả)? Để giải quyết vấn đề này cần phải xem xét khoản tiền a.Dg. vay của b.T.và vay của ô. Ts. cùng số tiền là 200.000.000 đồng có mối liên hệ như thế nào?

Về thời gian, theo lời khai của ông T.V.T. khoảng cuối tháng 9 năm 2014, ô. Ts. có cho c.Tf. là cháu ruột của ông vay số tiền 200.000.000 đồng và mấy tháng sau a.Dg. gặp trực tiếp ô. Ts. để viết giấy vay số tiền này. Theo lời khai này thì a.Dg. là người vay tiền. Xét về mặt thời gian thì a.Dg. vay tiền của b.T.300.000.000 đồng ngày 20/9/2014, sau đó a.Dg. mới vay ô. Ts. 200.000.000 đồng vào cuối tháng 9/2014 (theo Bộ luật dân sự năm 2005, Điều 151 thì: Cuối tháng là ngày cuối cùng của tháng)

Quá trình giải quyết vụ án theo thủ tục phúc thẩm, Toà án nhân dân thành phố Hà Nội đã tiến hành lấy lời khai của ông T.V.T.. Tại Biên bản lấy lời khai ngày 19/4/2019 ô. Ts. xác nhận: Ô. Ts. đưa tiền vay cho c.Tf. sau đó a.Dg. mới viết giấy nhận nợ. Khoản tiền vay lúc đầu không tính lãi nhưng sau đó quá hạn nên có tính lãi theo thoả thuận vì số tiền ô. Ts. cho vay, ô. Ts. phải vay của Ngân hàng. Tại Toà án nhân dân quận B.T.L., ô. Ts. cùng c.Tf. và a.Dg. được Toà án mở cho xem, nghe video clip do a.Dg. nộp Toà. Ô. Ts. công nhận video clip được ghi tại nhà ông và tiếng nói trong video clip là đúng của ông. Video clip đã được Viện khoa học hình sự, Bộ công an kết luận: *“Không phát hiện thấy dấu vết cắt ghép, chỉnh sửa nội dung trong tệp tin video gửi giám định”*. Video clip này được ghi ngày 07/01/2018 có chứa nội dung: *Ô. Ts. vay Ngân hàng 200.000.000 đồng để cho a.Dg. vay. Số tiền để cho a.Dg. vay này được ô. Ts. chuyển bằng tiền mặt cho b.T.. Như vậy, tính đến thời điểm cuối tháng 9/2014 a.Dg. vay 300.000.000 đồng trong đó vay của b.T.100.000.000 đồng và vay của ô. Ts. 200.000.000 đồng. Nhận định này hoàn toàn phù hợp với nội dung giấy trả nợ ngày 17/9/2016; cụ thể, b.T.viết: “Trước kia anh H.T.D. có vay của tôi 100 triệu đồng. Hôm nay ngày 17/9/2016 a.Dg. đã trả đủ (100 triệu đồng chẵn)”*.

Xét chứng cứ là tin nhắn do c.Tf. giao nộp thấy rằng: Tin nhắn từ số điện thoại của a.Dg. nhắn vào số điện thoại của c.Tf. trong khoảng thời gian từ 10h13 đến 10h34, thứ tư ngày 03/01/2018. Về thời gian, thì tin nhắn giữa 2 điện thoại của a.Dg. và của c.Tf. được thực hiện cùng ngày Toà án nhân dân quận B.T.Lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 03/01/2018 trong vụ án ly hôn mà nguyên đơn là a.Dg., bị đơn là c.Tf.. Theo quy định thì sau 07 ngày kể từ ngày lập Biên bản này nếu không có sự thay đổi ý kiến của đương sự, không có sự phản đối của Viện Kiểm sát thì Toà án ra quyết định công nhận, khi đó vụ án ly hôn mới khép lại. Về nội dung, tin nhắn không thể hiện số tiền phải trả là bao nhiêu và là khoản tiền gì. C.Tf. nhắn tin đòi tiền cho mẹ chị (b.T.), a.Dg. hứa 26 tết âm lịch a.Dg. sẽ trả, c.Tf. yêu cầu trả ngay ngày thứ năm (ngày 04/01/2018); nếu không trả thì thứ sáu (ngày 5/01/2018) c.Tf. sẽ gửi đơn vào trường (Học viện Cảnh sát nhân dân nơi a.Dg. đang công tác). A.Dg. nhắn tin dọa sẽ tự tử và sẽ gửi nội dung tin nhắn của c.Tf. đến Toà án để làm bằng chứng về việc ép a.Dg. tìm đến cái chết. Với điều kiện hoàn cảnh; không gian, thời gian; tâm trạng của a.Dg., c.Tf. khi giải quyết ly hôn và nội dung tin nhắn không chứa

đựng thông tin cụ thể cần thiết cho việc giải quyết vụ án thì tin nhắn do c.Tf. giao nộp không được xác định là chứng cứ của vụ án.

Về yêu cầu bồi thường thiệt hại: Xét thấy, khi giải quyết vụ kiện việc a.Dg. thuê luật sư là quyền của anh. Việc b.T.kiện đòi a.Dg. tiền không phải là nguyên nhân buộc a.Dg. phải thuê luật sư mới bảo vệ được quyền lợi của anh, các yêu cầu bồi thường khác như đi lại, tổn thất về tinh thần không có chứng cứ để chứng minh. Do đó, Bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu phản tố của a.Dg. là có cơ sở. Tại cấp phúc thẩm a.Dg. yêu cầu thêm khoản tiền bồi thường tiền chi phí giám định 10.000.000 đồng là vượt quá yêu cầu phản tố ban đầu nên không có cơ sở để chấp nhận.

Như đã trích dẫn và phân tích ở trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm có đủ cơ sở để xác định: Tháng 9 năm 2014, a.Dg. có vay số tiền 300.000.000 đồng; trong đó vay của b.T.100.000.000 đồng và vay của ô. Ts. 200.000.000 đồng. Ngày 17/9/2016, a.Dg. đã trả cho b.T.100.000.000 đồng và ngày 20/9/2016, a.Dg. đã trả cho ô. Ts. 200.000.000 đồng. Bản án dân sự sơ thẩm xác định a.Dg. còn nợ b.T.200.000.000 đồng là không chính xác, cần phải sửa Bản án sơ thẩm về khoản tiền vay.

Về án phí:

Án phí sơ thẩm: B.T.phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu đòi tiền vay gốc và lãi 340.000.000 đồng không được chấp nhận theo quy định của pháp luật. A.Dg. phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu phản tố bồi thường thiệt hại 33.900.000 đồng không được chấp nhận theo quy định của pháp luật.

Án phí phúc thẩm: A.Dg. không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 471, 474, 476 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 26, 147, 148, 271, 273, 278, 309 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của anh H.T.D..

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 16/2018/ DS-ST ngày 28 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân quận B.T.L., cụ thể như sau:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện đòi tiền vay gồm nợ gốc và tiền lãi 340.000.000 đồng của bà V.T.T đối với anh H.T.D..
2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố đòi bồi thường thiệt hại 33.900.000 đồng của anh H.T.D. đối với bà V.T.T.

3. Án phí sơ thẩm:

+ Bà V.T.T phải chịu 17.000.000đ (mười bảy triệu đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 7.500.000 đồng theo Biên lai thu số 06020 ngày 10/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận B.T.L.; b.T.còn phải nộp 9.500.000đ (chín triệu năm trăm ngàn đồng).

+Anh H.T.D. phải chịu 1.695.000đ (một triệu sáu trăm chín năm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 800.000 đồng theo Biên lai thu số 06241 ngày 09/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận B.T.L.; a.Dg. còn phải nộp 895.000đ (tám trăm chín năm ngàn đồng).

4. Án phí phúc thẩm: A.Dg. không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm; hoàn trả anh H.T.D. số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu số 06454 ngày 11/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận B.T.L..

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hà Nội;
- TAND quận B.T.L.;
- Chi cục THADS quận B.T.L.;
- Các đương sự;
- Lưu văn phòng, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Vũ Viết Văn

